

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 44/2018/ HNGĐ-ST

Ngày 22/10/2018

V/v “Không công nhận vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

2. Ông Nguyễn Văn Đời.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Địa chỉ: số nhà 25 đường Hà Thị Thân, quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2018/TLST- HNGĐ ngày 17.9.2018 về việc “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Bích N**; Sinh năm: 1987. Địa chỉ: Số 41/5 đường Mai Hắc Đế, quận S, TP. Đà Nẵng (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Bình N**; Sinh năm: 1977. Nơi đăng ký HKTT: Tổ 36 phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ tạm trú: Tổ 20 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam B, tỉnh Thừa Thiên Huế (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn - bà Trần Thị Bích N trình bày:**

Tôi và anh Nguyễn Bình N quen biết nhau từ năm 2011, sau khi tìm hiểu chúng tôi được gia đình tổ chức kết hôn theo nghi lễ truyền thống tại hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống chung với nhau mà chưa đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình. Năm 2012 anh Nguyễn Bình N phạm tội nên bị Tòa án tuyên xử 10 năm tù. Hiện đang chấp hành án tại trại giam B, tỉnh Thừa Thiên Huế. Kể từ khi anh Nguyễn Bình N đi chấp hành án đến nay chúng tôi không còn quan tâm lẫn nhau. Nay tôi làm đơn này kính đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận tôi và anh Nguyễn Bình N là vợ chồng.

- Về con chung: Chúng tôi không có con chung.

- Về tài sản chung: Tôi và anh Nguyễn Bình N không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi và anh Nguyễn Bình N không có nợ chung.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 20.9.2018 bị đơn là ông Nguyễn Bình N trình bày:**

Ông cũng thừa nhận ông và bà Trần Thị Bích N quen biết nhau từ năm 2011, sau khi tìm hiểu ông bà được gia đình tổ chức kết hôn theo nghi lễ truyền thống và sống chung với nhau mà chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Năm 2012, ông Nguyễn Bình N phạm tội nên bị Tòa án tuyên xử 10 năm tù. Hiện đang chấp hành án tại trại giam B, tỉnh Thừa Thiên Huế. Kể từ khi ông N đi chấp hành án thì ông bà không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông cũng đồng ý với yêu cầu của bà Bích N đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận ông và bà Trần Thị Bích N là vợ chồng.

- Về con chung: ông Nguyễn Bình N xác định ông và bà Trần Thị Bích N chưa có con chung.

- Về tài sản chung: ông Nguyễn Bình N xác định ông và bà Trần Thị Bích N không có tài sản chung.

- Về nợ chung: ông Nguyễn Bình N xác định ông và bà Trần Thị Bích N không có nợ chung.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về quan hệ hôn nhân: căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; không công nhận ông Nguyễn Bình N và bà Trần Thị Bích N là vợ chồng.

* Về con chung: ông Nguyễn Bình N và bà Trần Thị Bích N chưa có con chung nên không đề cập đến.

* Về tài sản chung và nợ chung: ông Nguyễn Bình N và bà Trần Thị Bích N đều xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Việc khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa bà Trần Thị Bích N đối với ông Nguyễn Bình N là tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Bích N và ông Nguyễn Bình N quen biết nhau từ năm 2011, sau khi tìm hiểu ông bà được gia đình tổ chức kết hôn theo nghi lễ truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn. Như vậy, tại thời điểm này bà Trần Thị Bích N và ông Nguyễn Bình N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình nhưng ông bà không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng nên việc kết hôn theo nghi lễ truyền thống không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; HĐXX có đủ cơ sở không công nhận bà Trần Thị Bích N và ông Nguyễn Bình N là vợ chồng.

[3] Về con chung: ông Nguyễn Bình N và bà Trần Thị Bích N chưa có con chung nên không đề cập đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông Nguyễn Bình N và bà Trần Thị Bích N đều xác định không có nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí:

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” ông Nguyễn Bình N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ nhưng bà Trần Thị Bích N tự nguyện. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Bích N đã nộp tại biên lai thu số 09082 ngày 14.9.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Chấp nhận đơn yêu cầu “Không công nhận vợ chồng” giữa bà Trần Thị Bích N đối với ông Nguyễn Bình N.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Trần Thị Bích N và ông Nguyễn Bình N là vợ chồng.

2. Về án phí: ông Nguyễn Bình N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ nhưng bà Trần Thị Bích N tự nguyện. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà Trần Thị Bích N đã nộp tại biên lai thu số 09082 ngày 14.9.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát quận S
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hòa